

5. Phường Quan Triều

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²



STT

<

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	dân cư quanh sân bóng có mặt đường bê tông rộng $\geq 4m$					
4	Ngõ 664	Ngõ rẽ từ đường Dương Tự Minh	Vào đến nhà công vụ Z127	10.700	7.490	7.490
4.1	Từ nhà công vụ Z127 đến gặp chợ Quan Triều	Toàn tuyến		5.100	3.570	3.570
4.2	Các nhánh rẽ trên đường từ nhà công vụ Z127 đến hết khu tập thể Z127 gặp chợ Quan Triều	Toàn tuyến		3.500	2.450	2.450
5	Ngõ số 64; 615; 647	Toàn tuyến		5.200	3.640	3.640
	Ngõ số 451; 698; 641; 636	Đường Dương Tự Minh	Hết ngõ			
	Rẽ vào đường goòng 2 bên	Toàn tuyến				
	Ngõ số 740	Đối diện Ngõ số 719	Vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn;			
	Ngõ số 714; 341; 370	Đường Dương Tự Minh	Hết ngõ			
	Ngõ số 616; 618	Rẽ khu dân cư Cửa hàng ăn Quan Triều	Thư viện Z127;			
	Ngõ số 191	Rẽ vào khu dân cư tổ 5, phường Tân Long cũ;	Hết ngõ			
	Ngõ số 80,749	Toàn tuyến				
5.1	Các nhánh rẽ trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	Toàn tuyến		3.300	2.310	2.310
6	Ngõ 511	Rẽ theo đường sắt cũ	Hết ngõ	4.600	3.220	3.220
	Ngõ 865; 253;	Toàn tuyến				
	Ngõ số 163	Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ				
	Ngõ số 77, 45	Rẽ khu dân cư tổ 8, phường Tân Long cũ				
6.1	Các nhánh rẽ trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$	Toàn tuyến		2.900	2.030	2.030
7	Ngõ số 505	Rẽ vào đến cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	Hết ngõ	8.500	5.950	5.950
7.1	- Nhánh rẽ từ cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ rẽ theo hàng rào Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ đến gặp đường goòng cũ	Ngõ 505	Hết ngõ	5.700	3.990	3.990
7.2	Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến băng tải than đi gặp ngõ số 511	Ngõ 505	Hết ngõ			
7.3	- Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5m$	Ngõ 505	Hết ngõ			
8	Ngõ số 356	Rẽ vào xưởng 100	Hết ngõ	7.500	5.250	5.250
9	Ngõ số 139	Vào UBND phường Quan Triều				

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
9.1	Từ đường Dương Tự Minh qua UBND phường Quan Triều đến ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long	Đường Dương Tự Minh qua UBND phường Quan Triều	Ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long	6.100	4.270	4.270
9.2	Từ ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long đến cổng Trường Tiểu học Tân Long;	Ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long	Cổng Trường Tiểu học Tân Long;	4.800	3.360	3.360
10	- Nhánh rẽ từ trục phụ vào khu dân cư số 2, phường Tân Long	Toàn tuyến		4.800	3.360	
11	Khu dân cư tái định cư phường Tân Long					
11.1	Các ô bóm Đường rộng $\geq 16,5m$	Toàn tuyến		4.800	3.360	3.360
11.2	Các ô bóm Đường rộng $\geq 9m$, nhưng $< 16,5m$	Toàn tuyến		4.100	2.870	2.870
12	Ngõ số 62; 99; 246, 2B, 70, 246, 334, 253, 177, 99, 01	Vào 100 m	Hết ngõ	3.300	2.310	2.310
13	Hai bên đường gom cao tốc Thái Nguyên- Hà Nội	Toàn tuyến	Hết ngõ	3.900	2.730	2.730
14	Các ngõ còn lại trên trục đường Dương Tự Minh có mặt đường bê tông rộng $\leq 2,5m$	Toàn tuyến		3.900	2.730	2.730
II	ĐƯỜNG QUANG VINH	Đường Dương Tự Minh qua Trường Trung học cơ sở Quang Vinh	Đi gặp đường Bắc Kạn			
1	Đoạn 1	Đường Dương Tự Minh	Hết đất Trường Tiểu học Quang Vinh	14.000	9.800	9.800
2	Đoạn 2	Đất Trường Tiểu học Quang Vinh	Nhà văn hóa tổ 8	11.000	7.700	7.700
3	Đoạn 3	Nhà văn hóa tổ 8	Ra gặp đường Bắc Kạn	7.200	5.040	5.040
	Trục phụ					
1	Đoạn 1	Rẽ vào khu dân cư quy hoạch Nhà máy xay Mỏ Bạch (rẽ sau Công an phường Quang Vinh cũ)	Hết ngõ	5.700	3.990	3.990
	Đoạn 2	Rẽ vào tổ 6, phường Quan Triều	Hết ngõ			
	Đoạn 3	Rẽ vào tổ 7, phường Quan Triều	Hết ngõ			
	Đoạn 4	Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà văn hóa tổ 8)	Hết ngõ	7.000	4.900	4.900
	Ngõ 382	Đường Quang Vinh	Hết ngõ	5.000	3.500	3.500
2	Đường còn lại trong khu dân cư số 1 Quang Vinh: Đường rộng $\geq 9m$	Toàn tuyến		9.800	6.860	6.860
3	Các ngõ 516; 501; 403; 393	Đường Quang Vinh	Hết ngõ	3.600	2.520	2.520
4	Các ngõ rẽ còn lại thuộc đường Quang	Đường Quang Vinh	Hết ngõ	3.000	2.100	2.100

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
	Vinh, (đoạn từ Nhà văn hóa tổ 8 đến đường Bắc Kạn)					
5	Từ Nhà văn hóa tổ 8 đến Nhà văn hóa tổ 10	Toàn tuyến		3.000	2.100	2.100
III	ĐƯỜNG QUAN TRIỀU	Đường Dương Tự Minh	Vào ga Quan Triều			
1	Đoạn 1	Đường Dương Tự Minh	Hết đất Công ty CP Xây dựng và SX vật liệu xây dựng TN	10.500	7.350	7.350
2	Đoạn 2	Giáp đất Công ty CPXây dựng và SX vật liệu xây dựng Thái Nguyên	Ga Quan Triều	9.600	6.720	6.720
	Trục phụ				-	
1	Đoạn 1	Rẽ theo hàng rào chợ Quan Triều	Vào 50m	4.200	2.940	2.940
2	Đoạn 2	Rẽ từ đường Quan Triều vào khu dân cư Công ty CP Xây dựng và SX vật liệu xây dựng TN	Vào 100m	3.600	2.520	2.520
3	Các đường trong khu dân cư số 3, phường Quan Triều đã xong hạ tầng					
3.1	Đường rộng $\geq 16,5\text{m}$ đến $19,5\text{m}$	Toàn tuyến		7.700	5.390	5.390
3.2	Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$ nhưng $< 16,5\text{m}$	Toàn tuyến		7.500	5.250	5.250
3.3	Đường rộng $\geq 12,5\text{m}$ nhưng $< 14,5\text{m}$	Toàn tuyến		6.800	4.760	4.760
4	Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ dân phố 21 (đối diện đường vào cầu Chui cũ)	Toàn tuyến		4.200	2.940	2.940
5	Các nhánh khác rẽ từ đường Quan Triều có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$	Toàn tuyến		3.200	2.240	2.240
IV	ĐƯỜNG PHÚC HÀ	Đường Dương Tự Minh	Ngã ba cổng cân			
1	Đoạn 1	Đường Dương Tự Minh	Ngã ba rẽ Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	4.500	3.150	3.150
2	Đoạn 2	Ngã ba rẽ Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ	Ngã ba cổng cân	2.700	1.890	1.890
V	QUỐC LỘ 3 (CŨ)	Km76	Hết đất xã Sơn Cẩm cũ			
1	Đoạn 1	Km76, Quốc lộ 3 (giáp đất phường Tân Long cũ)	Km76 + 500	11.000	7.700	7.700
2	Đoạn 2	Km76 + 500	Km77 + 500	9.300	6.510	6.510
	Đoạn 3	Km77 + 500	Km78 + 200 (hết đất xã Sơn Cẩm cũ)	7.800	5.460	5.460
	Trục phụ					
1	Tuyến 1	Quốc lộ 3 (Km76 + 300) đi cầu Bến Giềng đến cổng cũ Trường Đào tạo				

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
		mỏ				
1.1	Đoạn 1	Quốc lộ 3 (Km76 + 300) + 100	Ngã ba sau CA Quan Triều	7.400	5.180	5.180
1.2	Đoạn 2	Ngã ba sau CA Quan Triều	Cầu Bến Giềng	6.300	4.410	4.410
1.3	Đoạn 3	Ngã ba sau CA Quan Triều	Trường Đào tạo mỏ;	6.300	4.410	4.410
1.4	Đoạn 4	Nhánh rẽ từ ngã ba cổng Trường Đào tạo mỏ Việt Bắc	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	2.400	1.680	1.680
2	Khu tái định cư số 1 xã Sơn Cẩm (trả nợ tái định cư dự án: Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hoá Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ; Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm CN Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, thành phố TN)					
2.1	Đường rộng 19,5m	Toàn tuyến		3.500	2.450	2.450
2.2	Đường rộng 16,5m	Toàn tuyến		3.300	2.310	2.310
2.3	Đường rộng 15m	Toàn tuyến		3.200	2.240	2.240
2.4	Đường rộng 14m	Toàn tuyến		3.100	2.170	2.170
2.5	Đường rộng 12m	Toàn tuyến		3.000	2.100	2.100
3	Khu tái định cư số 2 xã Sơn Cẩm (trả nợ tái định cư dự án: Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hoá Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ; Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên)					
3.1	Đường rộng 16,5m	Toàn tuyến		3.300	2.310	2.310
3.2	Đường rộng 12m	Toàn tuyến		3.000	2.100	2.100
3.3	Đường rộng 9m	Toàn tuyến		1.800	1.260	1.260
4	Khu Dân cư số 1 Sơn Cẩm (trả nợ tái định cư dự án: Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hoá Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ; Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên)					
4.1	Đường rộng 27m	Toàn tuyến		4.000	2.800	2.800
4.2	Đường rộng 25m	Toàn tuyến		3.800	2.660	2.660
4.3	Đường rộng 15m	Toàn tuyến		3.200	2.240	2.240
4.4	Đường rộng 14m	Toàn tuyến		3.100	2.170	2.170

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
4.5	Đường rộng 12m	Toàn tuyến		3.000	2.100	2.100
4.6	Đường rộng 3m	Toàn tuyến		2.000	1.400	1.400
5	Tuyến 2	Quốc lộ 3 (Km76 + 600, trạm kiểm lâm)	Ngã ba đường rẽ Bến Giềng (ngã ba sau CA Quan Triều);	8.000	5.600	5.600
6	Tuyến 3	Quốc lộ 3 cũ (đoạn nắn Quốc lộ 3);				
7	Tuyến 4	Quốc lộ 3	Cầu Trắng 2 (đường đi Trại giam Phú Sơn 4)			
7.1	Đoạn 1	Quốc lộ 3 + 450m	Cầu Trắng 1			
7.2	Đoạn 2	Quốc lộ 3	Trường Tiểu học và THCS Sơn Cẩm I			
7.3	Đoạn 3	Cầu Trắng 1	Cầu Trắng 2	4.100	2.870	2.870
7.4	Các nhánh rẽ khác trên đường vào trại giam Phú Sơn 4	Toàn tuyến		3.600	2.520	2.520
8	Tuyến 5	Quốc lộ 3	Vào 150m đi kho gạo cũ	5.300	3.710	3.710
9	Tuyến 6	Quốc lộ 3	Đi đôi Đa (giáp phường Tân Long cũ)	3.600	2.520	2.520
10	Tuyến 7	Quốc lộ 3	Cổng Công ty may Phú Lương	2.700	1.890	1.890
VI	QUỐC LỘ 3 MỚI	Quốc lộ 3 cũ	Hết đất xã Sơn Cẩm cũ			
1	Đoạn 1	Nút giao với Quốc lộ 3 cũ	Km71+220	9.800	6.860	6.860
1.1		Ngõ rẽ từ Quốc Lộ 3 mới	Sang ngã 3 đường rẽ Bến Giềng (ngã 3 sau Công an phường Quan Triều)	4.800	3.360	3.360
2	Đoạn 2	Km71+220	Km72+930	7.400	5.180	5.180
3	Đoạn 3	Km72+930	Km75+200 (hết đất xã Sơn Cẩm cũ)	4.800	3.360	3.360
3.1		Ngõ vào Di tích lịch sử Đình Chùa Thanh Trà,	Vào 500m	3.600	2.520	2.520
VII	XÃ SƠN CẨM CŨ					
1	Tuyến 1	Đường trong khu tái định cư (Xóm 6, xã Sơn Cẩm cũ nay là Tổ 33, phường Quan Triều) để trả nợ tái định cư dự án: Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hoà Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hoà Thượng, huyện Đồng Hỷ)		5.600	3.920	3.920
2	Tuyến 2	Ngã ba cổng Trường Tiểu học Tân Long	Cổng cũ Trường Cao đẳng Công nghiệp	5.600	3.920	3.920

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
3	Tuyến 3	Ngã ba cổng Trường tiểu học Tân Long + 200m	Đi xí nghiệp gạch Tân Long	5.600	3.920	3.920
4	Tuyến 4	Ngã ba Văn phòng mở	Cổng Trường phổ thông trung học Khánh Hòa	5.600	3.920	3.920
5	Tuyến 5	Nhánh rẽ Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên				
5.1	Từ ngã ba rẽ Trại tạm giam đi 200m về phía Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên	Toàn tuyến		4.500	3.150	3.150
5.2	Các nhánh rẽ còn lại	Toàn tuyến		2.200	1.540	1.540
5.3	Đường trong khu tái định cư tổ 34, phường Quan Triều (xóm 7, xã Sơn Cẩm cũ)	Toàn tuyến		4.100	2.870	2.870
VIII	ĐƯỜNG SON CẨM - VÔ TRANH					
6.1	Đoạn 1	Cầu Bến Giềng	Ngã ba Quang Trung	4.500	3.150	3.150
6.2	Đoạn 2	Ngã ba Quang Trung	Cầu Khe Húng (giáp đất xã Vô Tranh)	3.900	2.730	2.730
IX	ĐƯỜNG SON CẨM ĐI PHƯỜNG QUYẾT THẮNG VÀ XÃ AN KHÁNH					
7.1	Đoạn 1	Quốc lộ 3	Gập đường sắt	8.200	5.740	5.740
7.2	Đoạn 2	Đường sắt	Ngã ba rẽ trại tạm giam công an tỉnh thái nguyên	6.600	4.620	4.620
7.3	Đoạn 3	Ngã ba rẽ trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên	Ngã tư Chợ Mỏ cũ	5.300	3.710	3.710
7.4	Đoạn 4	Ngã tư Chợ Mỏ cũ + 200m	Đi 3 phía	4.100	2.870	2.870
7.5	Đoạn 5	Cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m	Cầu Sắt (đi xã An Khánh)	2.700	1.890	1.890
	Đoạn 6	Cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m	Cầu Treo (đi phường Quyết Thắng);	2.700	1.890	1.890
	Đoạn 7	Cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m	Cầu Mười Thước	2.700	1.890	1.890
X	QUỐC LỘ 1B (MỚI)	Đảo tròn Tân Long qua cầu Cao Ngạn	Hết cầu Cao Ngạn			
1	Đoạn 1	Đảo tròn Tân Long	Vào 1.000m	8.700	6.090	6.090
2	Đoạn 2	Sau 1.000m	Cầu Cao Ngạn	6.800	4.760	4.760
XI	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI					
1	Đường nhựa, đường bê tông có mặt đường rộng từ ≥ 3,5m					
-	Địa phận phường Quan Triều cũ, Quang Vinh cũ, Tân Long cũ	Toàn tuyến		3.600	2.520	2.520
-	Địa phận xã Sơn Cẩm cũ	Toàn tuyến		3.200	2.240	2.240

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí, tuyến đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất SD cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
2	Đường nhựa, đường bê tông có mặt đường rộng từ 2,5m đến < 3,5m					
-	Địa phận phường Quan Triều cũ, Quang Vinh cũ, Tân Long cũ	Toàn tuyến		2.900	2.030	2.030
-	Địa phận xã Sơn Cẩm cũ	Toàn tuyến		2.700	1.890	1.890
3	Đường nhựa, đường bê tông có mặt đường rộng < 2,5m					
-	Địa phận phường Quan Triều cũ, Quang Vinh cũ, Tân Long cũ	Toàn tuyến		2.400	1.680	1.680
-	Địa phận xã Sơn Cẩm cũ	Toàn tuyến		2.200	1.540	1.540